



KPMG'S COPY

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset
(Việt Nam)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Hoạt động Chứng khoán số	73/UBCK-GP	ngày 18 tháng 12 năm 2007
	109/QĐ-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
	218/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 4 năm 2009
	411/QĐ-UBCK	ngày 10 tháng 7 năm 2009
	65/QĐ-UBCK	ngày 28 tháng 1 năm 2010
	23/GPĐC-UBCK	ngày 6 tháng 4 năm 2011

Giấy phép Hoạt động Chứng khoán đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Chủ tịch
	Ông Vũ Hoài Linh	Thành viên
	Ông Moon Kyung Kang	Thành viên
	Ông Byoung Youb Jeon	Thành viên
	Ông Seong Moon Jeong	Thành viên

Tổng Giám đốc	Ông Woo Young Ki (từ ngày 6 tháng 5 năm 2013)
	Ông Moon Kyung Kang (đến ngày 6 tháng 5 năm 2013)

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính 91 Pasteur, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội Tầng 4, Tòa nhà Phương Nam Bank
27 Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 4 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này.



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã soát xét bảng cân đối kế toán giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 12 tháng 8 năm 2013 (được gọi chung là “báo cáo tài chính giữa niên độ”), được trình bày từ trang 4 đến 41. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 – *Công tác soát xét báo cáo tài chính*. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo soát xét số: 13-01-227/3



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2013

Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01a – CTCK

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		394.584.721.759	299.730.703.136
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	205.567.632.076	225.995.738.453
Tiền	111		136.567.632.076	34.495.738.453
Các khoản tương đương tiền	112		69.000.000.000	191.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	160.167.537.798	57.810.866.248
Đầu tư ngắn hạn	121		160.232.038.888	57.869.873.408
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(64.501.090)	(59.007.160)
III. Các khoản phải thu - ngắn hạn	130		27.391.772.872	15.253.501.812
Phải thu khách hàng	131		675.240.000	3.978.555.000
Trả trước cho người bán	132		33.498.479	80.672.979
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	24.183.219.823	8.779.343.317
Các khoản phải thu khác	138	8	2.499.814.570	2.414.930.516
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.457.779.013	670.596.623
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		985.506.562	600.096.624
Tài sản ngắn hạn khác	158		472.272.451	70.499.999
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250 + 260)	200		9.823.060.304	10.358.982.394
II. Tài sản cố định	220		5.266.762.917	5.965.528.067
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.448.001.695	1.854.560.611
<i>Nguyên giá</i>	222		13.673.235.161	13.742.907.784
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(12.225.233.466)	(11.888.347.173)
Tài sản cố định vô hình	227	10	3.745.261.222	4.110.967.456
<i>Nguyên giá</i>	228		11.139.828.849	10.723.811.049
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.394.567.627)	(6.612.843.593)
Xây dựng cơ bản dở dang	230		73.500.000	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	572.618.000	572.618.000
Đầu tư dài hạn khác	258		572.618.000	572.618.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – CTCK

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.983.679.387	3.820.836.327
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.599.303.550	1.893.853.774
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	12	865.992.296	408.599.012
Tài sản dài hạn khác	268	13	1.518.383.541	1.518.383.541
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		404.407.782.063	310.089.685.530
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		136.812.164.268	35.495.573.585
I. Nợ ngắn hạn	310		136.752.277.268	35.435.686.585
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	631.502.603	550.738.301
Chi phí phải trả	316	15	843.461.790	1.589.852.577
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	232.475.116	339.868.997
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	135.044.837.759	32.955.226.710
II. Nợ dài hạn	330		59.887.000	59.887.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		59.887.000	59.887.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	18	267.595.617.795	274.594.111.945
I. Vốn chủ sở hữu	410		267.595.617.795	274.594.111.945
Vốn cổ phần	411	19	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	415		11.875.117	11.875.117
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	418		11.875.117	11.875.117
Lỗi lũy kế	420		(32.428.132.439)	(25.429.638.289)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		404.407.782.063	310.089.685.530

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – CTCK

	Mã số	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
5. Ngoại tệ các loại	005	3.841.174	3.801.943
6. Chứng khoán lưu ký	006	7.997.734.640.000	5.223.692.650.000
Trong đó:			
6.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	7.962.646.280.000	5.189.783.290.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	196.490.000	187.680.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	151.008.200.000	175.014.850.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	7.811.441.590.000	5.014.580.760.000
6.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	-	5.486.760.000
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	50.000
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	-	561.910.000
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	4.924.800.000
6.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	11.703.900.000	4.325.400.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	11.227.800.000	4.192.100.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	476.100.000	133.300.000
6.7 <i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	1.132.710.000	1.183.230.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	300.000	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	342.380.000	1.173.420.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	790.030.000	9.810.000
6.8 <i>Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	042	22.251.750.000	22.913.970.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	22.251.750.000	22.913.970.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – CTCK

	Mã số	30/6//2013 VND	31/12/2012 VND
7. Chứng khoán lưu ký chưa niêm yết	050	9.491.820.000	33.000.000
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	9.491.820.000	33.000.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	530.000	-
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	2.012.610.000	33.000.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	7.478.680.000	-

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 01 – CTCK

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		16.538.694.207	20.147.417.424
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán			5.011.523.890	2.848.549.183
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			4.049.815	4.710.145
Doanh thu dịch vụ tư vấn			50.000.000	-
Doanh thu khác	20		11.473.120.502	17.294.158.096
Chi phí hoạt động	11		13.824.672.890	14.364.505.566
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.714.021.317	5.782.911.858
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.715.608.974	9.623.735.534
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(7.001.587.657)	(3.840.823.676)
Thu nhập khác	31		5.427.667	14.362
Chi phí khác	32		2.334.160	9.134
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.093.507	5.228
Lỗ trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(6.998.494.150)	(3.840.818.448)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	21	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(6.998.494.150)	(3.840.818.448)

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – CTCK

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	(6.998.494.150)	(3.840.818.448)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.178.986.219	1.410.827.524
Các khoản dự phòng	03	5.493.930	42.157.537
Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng	05	(10.498.479.146)	(16.011.964.980)
Tiền lãi từ hoạt động ứng trước cho khách hàng	05	(98.587.665)	-
Tiền lãi từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ	05	(868.550.848)	-
Tiền lãi từ hợp đồng mua bán lại	05	-	(1.282.193.116)
Chi phí lãi vay	06	38.402.777	32.274.763
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(17.241.228.883)	(19.649.716.720)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(12.838.792.630)	1.184.284.536
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	101.316.590.683	60.328.037.202
Biến động chi phí trả trước	12	(34.702.983)	(91.921.689)
		71.201.866.187	41.770.683.329
Tiền lãi vay đã trả	13	(38.402.777)	(32.274.763)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	71.163.463.410	41.738.408.566
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(536.377.800)	(3.331.760.278)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(102.350.000.000)	(100.000.000.000)
Tiền thu từ việc bán lại theo hợp đồng mua bán lại	24	-	20.000.020.820
Tiền chi mua các khoản đầu tư	25	(12.165.480)	-
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư	26	-	441.752.195
Tiền thu lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng	27	10.465.397.480	16.483.962.202
Tiền thu lãi từ khoản ứng trước cho khách hàng	27	92.752.963	-
Tiền thu lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	27	748.823.050	-
Tiền thu lãi từ hợp đồng mua bán lại	27	-	1.282.193.116
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(91.591.569.787)	(65.123.831.945)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – CTCK

	Mã số	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả các khoản nợ thuê tài chính	35	-	(400.576.281)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	-	(400.576.281)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(20.428.106.377)	(23.785.999.660)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	225.995.738.453	268.941.933.649
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	205.567.632.076	245.155.933.989

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Võ Young Ki
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013

Mẫu B 09a – CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty có 44 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 47 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong báo cáo tài chính giữa niên độ này, một vài thông tin và số liệu thường được bao gồm trong thuyết minh báo cáo tài chính đã được tóm gọn hoặc loại bỏ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*. Báo cáo tài chính giữa niên độ này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp. Các chính sách kế toán được áp dụng bởi Công ty cho các báo cáo tài chính giữa niên độ này giống như những chính sách kế toán Công ty áp dụng cho báo cáo tài chính năm tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này là cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(c) Chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản vốn góp mà Công ty dự định nắm giữ hơn một năm (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh và công ty liên kết).

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng không được tự do mua bán trên thị trường OTC và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Tổng Giám đốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi chưa lập dự phòng.

Nguyên giá chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền được nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản ứng trước cho khách hàng trong các hoạt động giao dịch chứng khoán, khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn hoặc các khoản lỗ dự kiến đối với các khoản nợ chưa đến hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế phá sản hoặc giải thể; hoặc bên mượn nợ mất tích, bỏ trốn, bị truy tố, đi tù, đang bị xét xử, được hưởng án treo hoặc đã qua đời.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng nợ quá hạn được lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Tình trạng nợ quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (01) đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên lỗ dự kiến của các khoản nợ chưa đến hạn được lập dựa trên quyết định của Tổng Giám đốc sau khi xem xét khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ dụng cụ văn phòng	4 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn

Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm chi phí nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(h) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(j) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(m) Dự trữ bắt buộc

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Công ty được yêu cầu phải trích lập dự trữ bắt buộc hàng năm.

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(ii) Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu từ dịch vụ tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên tham chiếu bảng khảo sát các công việc đã thực hiện.

(iv) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại các ngân hàng. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

4. Khối lượng và giá trị giao dịch trong kỳ

	Khối lượng giao dịch		Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
a) Công ty				
Cổ phiếu	448	1.120	6.650.640	15.798.340
Trái phiếu	-	210.230	-	21.282.213.936
b) Nhà đầu tư/khách hàng				
Cổ phiếu	74.159.229	82.280.226	1.573.638.228.200	1.344.478.386.800
Trái phiếu	46.400.000	39.920.000	5.016.196.900.000	4.183.697.900.000
Chứng khoán khác	-	176.000	-	1.232.000.000
	120.559.677	122.587.576	6.589.841.778.840	5.550.706.299.076

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt	3.268.000	768.996.500
Tiền gửi ngân hàng	136.564.364.076	33.726.741.953
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>135.044.837.759</i>	<i>32.955.226.710</i>
Các khoản tương đương tiền	69.000.000.000	191.500.000.000
	205.567.632.076	225.995.738.453

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có số ngoại tệ xấp xỉ 3.841.174 VND (31/12/2012: 3.801.943 VND).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

6. Các khoản đầu tư

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị sổ sách		Tăng		So với giá trị trường		Giảm		Giá trị thị trường	
	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
	Cổ phiếu/ Trái phiếu		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại (i)	10.702	9.773	282.038.888	269.873.408	22.674.215	9.392.765	65.057.740	59.007.160	239.655.363	220.259.013		
Cổ phiếu niêm yết	9.702	8.773	180.786.825	168.621.345	22.674.215	9.392.765	65.057.740	59.007.160	138.403.300	119.006.950		
ACB	1.385	1.290	38.801.760	37.367.070	-	-	16.641.760	16.340.070	22.160.000	21.027.000		
CII	33	33	824.800	824.800	-	-	217.600	55.900	607.200	768.900		
DBC	33	33	623.700	623.700	3.300	52.800	-	-	627.000	676.500		
NTP	100	100	5.250.000	5.250.000	-	-	650.000	1.850.000	4.600.000	3.400.000		
PLC	280	280	5.370.500	5.370.500	-	-	890.500	806.500	4.480.000	4.564.000		
PVT	19	19	117.450	7.678.900	-	-	16.750	39.550	100.700	77.900		
PVX	646	546	8.209.900	8.058.600	-	-	4.979.900	4.675.900	3.230.000	3.003.000		
RCL	165	148	8.058.600	7.146.000	-	-	5.121.600	5.231.800	2.937.000	2.826.800		
TCT	90	90	7.146.000	7.253.900	6.984.000	495.000	-	-	14.130.000	7.641.000		
VCG	414	414	7.253.900	8.225.000	-	-	2.492.900	3.734.900	4.761.000	3.519.000		
VSP	280	280	8.225.000	4.434.900	-	-	7.861.000	8.225.000	364.000	-		
PVS	292	267	4.434.900	117.450	120.300	-	-	750.300	4.555.200	3.684.600		
Khác	5.965	5.273	86.470.315	76.270.525	15.566.615	8.844.965	26.185.730	17.297.240	75.851.200	67.818.250		
Trái phiếu	1.000	1.000	101.252.063	101.252.063	-	-	-	-	101.252.063	101.252.063		
TD1114053	1.000	1.000	101.252.063	101.252.063	-	-	-	-	101.252.063	101.252.063		
II. Đầu tư ngắn hạn khác			159.950.000.000	57.600.000.000					159.950.000.000	57.600.000.000		
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (ii)			159.950.000.000	57.600.000.000					159.950.000.000	57.600.000.000		

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị số sách		So với giá trị trường				Giá trị thị trường	
	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Tăng	Giảm	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ
	Cổ phiếu/ Trái phiếu		VND	VND	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ	Số dư đầu kỳ	VND	VND
III. Đầu tư dài hạn khác	-	-	572.618.000	572.618.000	-	-	-	-	VND	N/A
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) (iii)	-	-	572.618.000	572.618.000	-	-	-	-	VND	N/A

(i) Chứng khoán thương mại thể hiện các chứng khoán lô lẻ Công ty mua từ nhà đầu tư.

(ii) Khoản này phản ánh tiền gửi có kỳ hạn sáu tháng và mười hai tháng tại các ngân hàng tại Việt Nam. Các khoản tiền gửi này sẽ đáo hạn vào ngày 28 tháng 11 năm 2013 và ngày 7 tháng 5 năm 2014.

(iii) Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) (“Mirae Asset Realty”) là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% trong tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty. Khoản đầu tư này được phản ánh trong các báo cáo tài chính này theo nguyên giá. Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này (Thuyết minh 23(e)).

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013		Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	
	VND		VND	
Số dư đầu năm	-	59.007.160	-	-
Tăng dự phòng trong kỳ	5.656.507	-	42.157.537	-
Giảm dự phòng trong kỳ	(162.577)	-	-	-
Số dư cuối năm	64.501.090	-	42.157.537	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

7. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng	20.430.031	11.277.472
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán (i)	3.688.278.894	402.780.374
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (ii)	20.474.510.898	8.365.285.471
	<hr/>	<hr/>
	24.183.219.823	8.779.343.317
	<hr/>	<hr/>

- (i) Các khoản tạm ứng cho khách hàng trong hoạt động giao dịch chứng khoán chịu lãi suất là 0,05%/ngày và trong kỳ/năm các khoản tạm ứng này có kỳ hạn ban đầu từ 1 đến 3 ngày.
- (ii) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho các khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ. Khoản vay này có kỳ hạn ban đầu là 90 ngày, và trong kỳ/năm khoản vay này chịu lãi suất là 0,028%/ngày cho hợp đồng ba tháng đầu của năm trăm khách hàng đầu tiên và 0,04%/ngày cho các hợp đồng khác. Khoản ký quỹ ban đầu và ký quỹ duy trì tối thiểu cho giao dịch ký quỹ là 60% và 45%.

8. Các khoản phải thu khác

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Lãi dự thu	2.339.081.666	2.306.000.000
Phải thu khác	160.732.904	108.930.516
	<hr/>	<hr/>
	2.499.814.570	2.414.930.516
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong các khoản phải thu khác có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên quan khác		
Phi thương mại	79.626.125	54.031.725
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

9. Tài sản cố định hữu hình

Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	9.287.038.425	4.455.869.359	13.742.907.784
Tăng trong kỳ	46.860.000	-	46.860.000
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(116.532.623)	-	(116.532.623)
Số dư cuối kỳ	9.217.365.802	4.455.869.359	13.673.235.161
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	7.432.477.814	4.455.869.359	11.888.347.173
Khấu hao trong kỳ	397.262.185	-	397.262.185
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(60.375.892)	-	(60.375.892)
Số dư cuối kỳ	7.769.364.107	4.455.869.359	12.225.233.466
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.854.560.611	-	1.854.560.611
Số dư cuối kỳ	1.448.001.695	-	1.448.001.695

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	7.594.287.698	1.971.878.450	9.566.166.148
Tăng trong kỳ	1.671.751.727	-	1.671.751.727
Số dư cuối kỳ	9.266.039.425	1.971.878.450	11.237.917.875
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	6.447.986.416	1.844.838.580	8.292.824.996
Khấu hao trong kỳ	485.537.815	127.039.870	612.577.685
Số dư cuối kỳ	6.933.524.231	1.971.878.450	8.905.402.681
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.146.301.282	127.039.870	1.273.341.152
Số dư cuối kỳ	2.332.515.194	-	2.332.515.194

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 10.974.418.500 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 9.804.477.507 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ	10.723.811.049	6.583.348.498
Tăng trong kỳ	416.017.800	1.660.008.551
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	11.139.828.849	8.243.357.049
	<hr/>	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	6.612.843.593	5.616.593.356
Khấu hao trong kỳ	781.724.034	539.500.803
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	7.394.567.627	6.156.094.159
	<hr/>	<hr/>
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ	4.110.967.456	966.755.142
Số dư cuối kỳ	3.745.261.222	2.087.262.890

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 có các tài sản có nguyên giá 6.180.475.538 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2012: 4.678.331.558 VND).

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

11. Chi phí trả trước dài hạn

Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.112.337.786	781.515.988	1.893.853.774
Phân bổ trong kỳ	(15.593.521)	(278.956.703)	(294.550.224)
Số dư cuối kỳ	1.096.744.265	502.559.285	1.599.303.550
Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.143.524.827	1.104.785.698	2.248.310.525
Tăng trong kỳ	-	224.416.297	224.416.297
Phân bổ trong kỳ	(15.593.521)	(268.729.303)	(284.322.824)
Số dư cuối kỳ	1.127.931.306	1.060.472.692	2.188.403.998

12. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	865.992.296	408.599.012

Theo các Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Biến động tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Số dư đầu kỳ	408.599.012	360.165.055
Tiền nộp bổ sung trong kỳ	413.277.696	15.383.526
Tiền lãi trong kỳ	44.115.588	33.050.431
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	865.992.296	408.599.012
	<hr/>	<hr/>

13. Tài sản dài hạn khác

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	1.518.383.541	1.518.383.541
	<hr/>	<hr/>

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	288.637.897	267.097.926
Thuế thu nhập của nhà đầu tư	329.351.950	10.348.667
Thuế giá trị gia tăng	-	271.001.827
Các loại thuế khác	13.512.756	2.289.881
	<hr/>	<hr/>
	631.502.603	550.738.301
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

15. Chi phí phải trả

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền thưởng phải trả	367.508.721	984.335.873
Phí chuyên môn	130.966.667	153.800.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	148.827.045	314.846.661
Chi phí thuê	37.920.950	18.000.000
Chi phí khác	158.238.407	118.870.043
	<hr/>	<hr/>
	843.461.790	1.589.852.577
	<hr/>	<hr/>

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	3.223.038	179.070
Kinh phí công đoàn	136.321.369	122.342.342
Phải trả cho các thẻ tín dụng	80.482.834	108.986.661
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.447.875	108.360.924
	<hr/>	<hr/>
	232.475.116	339.868.997
	<hr/>	<hr/>

17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	135.044.837.759	32.955.226.710
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(25.429.638.289)	274.594.111.945
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(6.998.494.150)	(6.998.494.150)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(32.428.132.439)	267.595.617.795
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	300.000.000.000	-	-	(25.643.390.400)	274.356.609.600
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(3.840.818.448)	(3.840.818.448)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012	300.000.000.000	-	-	(29.484.208.848)	270.515.791.152

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2013 và 31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.000.000	300.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000
Cổ phiếu hiện đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	300.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Trong kỳ, Công ty không có biến động vốn cổ phần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012, cơ cấu cổ đông của công ty như sau:

	Số cổ phiếu	VND	%
Công ty Mirae Asset Securites (HK) Ltd	14.700.000	147.000.000.000	49,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư - Xây dựng P/E	13.590.000	135.900.000.000	45,3%
Cổ đông khác	1.710.000	17.100.000.000	5,7%
	30.000.000	300.000.000.000	100,0%

Công ty mẹ trực tiếp, Công ty Mirae Asset Securites (HK) Ltd, công ty mẹ cấp trung gian, Công ty Mirae Asset Securities Co., Ltd., và công ty mẹ cấp cao nhất Mirae Asset Financial Group, được thành lập lần lượt tại Hồng Kông và Hàn Quốc.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

20. Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu bao gồm khoản thu nhập tiền lãi từ tiền gửi tại ngân hàng với số tiền là 10.498.479.146 VND cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012: 16.011.964.980 VND).

21. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2013 đến 30/6/2013 VND	Giai đoạn sáu tháng từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND
Lỗ trước thuế	6.998.494.150	3.840.818.448
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.749.623.538)	(960.204.612)
Chi phí không được khấu trừ thuế	124.647.133	73.811.348
	(1.624.976.405)	(886.393.264)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	1.624.976.405	886.393.264
	-	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với lỗ tính thuế không được ghi nhận vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản lỗ này.

(b) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của Công ty là 25%. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(c) Lỗ tính thuế

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2015	Đã quyết toán	16.155.547.593
2016	Đã quyết toán	8.167.713.672
2018	Chưa quyết toán	6,499,905,620
		<hr/>
		30.823.166.885
		<hr/>
Trừ đi lỗ tính thuế đã sử dụng		(3.879.837.956)
		<hr/>
Lỗ tính thuế còn hiệu lực		26.943.328.929
		<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

22. Biến động các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Biến động			Số dư cuối năm		Dự phòng được lập VND
	Tổng VND	Quá hạn VND	Nghi ngờ VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng VND	Quá hạn VND	
1. Phải thu khách hàng	3.978.555.000	-	-	-	3.303.315.000	675.240.000	-	-
2. Trả trước cho người bán	80.672.979	-	-	25.063.000	72.237.500	33.498.479	-	-
3. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	8.779.343.317	-	-	150.463.977.219	135.060.100.713	24.183.219.823	-	-
4. Phải thu khác	2.414.930.516	-	-	9.160.547.444	9.075.663.390	2.499.814.570	-	-
	15.253.501.812	-	-	159.649.587.663	147.511.316.603	27.391.772.872	-	-

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

23. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(c) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	205.564.364.076	225.995.738.453
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	159.950.000.000	57.600.000.000
Phải thu khách hàng (ii)	675.240.000	3.978.555.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán (ii)	24.183.219.823	8.779.343.317
Phải thu khác	2.499.814.570	2.414.930.516
Tài sản ngắn hạn khác	472.272.451	70.499.999
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	865.992.296	408.599.012
Tài sản dài hạn khác	1.518.383.541	1.518.383.541
	395.729.286.757	299.997.053.338

(i) Tiền gửi tại ngân hàng

Tiền gửi tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng, chủ yếu bao gồm ứng trước cho khách hàng cho giao dịch chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ, mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn cho khách hàng đó. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Công ty thiết lập chính sách này cũng yêu cầu giá trị tài khoản chứng khoán của khách hàng là khoản tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của việc cho vay giao dịch ký quỹ đối với từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng tổn thất giá trị tài sản.

Các khoản phải thu mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Bảng phân tích tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	205.564.364.076	205.564.364.076
Đầu tư ngắn hạn khác	-	159.950.000.000	159.950.000.000
Phải thu khách hàng	-	675.240.000	675.240.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	24.162.789.792	20.430.031	24.183.219.823
Phải thu khác	-	2.499.814.570	2.499.814.570
Tài sản ngắn hạn khác	-	472.272.451	472.272.451
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	865.992.296	865.992.296
Tài sản dài hạn khác	-	1.518.383.541	1.518.383.541
	24.162.789.792	371.566.496.965	395.729.286.757
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	225.226.741.953	225.226.741.953
Đầu tư ngắn hạn khác	-	57.600.000.000	57.600.000.000
Phải thu khách hàng	-	3.978.555.000	3.978.555.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	8.768.065.845	11.277.472	8.779.343.317
Phải thu khác	-	2.414.930.516	2.414.930.516
Tài sản ngắn hạn khác	-	70.499.999	70.499.999
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	408.599.012	408.599.012
Tài sản dài hạn khác	-	1.518.383.541	1.518.383.541
	8.768.065.845	291.228.987.493	299.997.053.338

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

Bảng bên dưới trình bày giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền gửi ngân hàng – Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	14.851.032.148	2.986.937.371
Chứng khoán niêm yết trên		
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh</i>	21.962.841.000	21.174.845.100
▪ <i>Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội</i>	16.386.980.000	9.216.300.000
	53.200.853.148	33.378.082.471

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền chưa chiết khấu theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND
Chi phí phải trả	843.461.790	843.461.790	843.461.790
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	135.044.837.759	135.044.837.759	135.044.837.759
Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.930.709	92.930.709	92.930.709
	135.981.230.258	135.981.230.258	135.981.230.258

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền chưa chiết khấu theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND
Chi phí phải trả	1.589.852.577	1.589.852.577	1.589.852.577
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	32.955.226.710	32.955.226.710	32.955.226.710
Các khoản phải trả, phải nộp khác	217.347.585	217.347.585	217.347.585
	34.762.426.872	34.762.426.872	34.762.426.872

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tiền tệ của Công ty chủ yếu phát sinh từ tiền và các khoản tương đương tiền có gốc bằng USD. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty có gốc bằng USD tương đương 3.841.174 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.801.943 VND).

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, rủi ro lãi suất của Công ty do sự thay đổi của lãi suất thị trường là rất nhỏ vì tài sản hưởng lãi và nợ phải trả chịu lãi có thời hạn ngắn.

(iii) Rủi ro về giá chứng khoán vốn

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại của Công ty.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là rất nhỏ vì các khoản nắm giữ chứng khoán thương mại là không đáng kể.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản đó có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của chứng khoán niêm yết dựa trên giá thị trường niêm yết như sau:

	30/6/2013		31/12/2012	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn				
Chứng khoán niêm yết	116.285.735	138.403.300	109.614.185	119.006.950

Ngoại trừ các chứng khoán niêm yết nêu trên, Công ty không xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để trình bày trên báo cáo tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác biệt với giá trị ghi sổ của chúng.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 8 của báo cáo tài chính giữa niên độ này, trong kỳ Công ty không có các giao dịch đáng kể với các bên liên quan.

25. Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng một năm	-	1.412.461.234

Các khoản thanh toán thuê hoạt động phản ánh khoản tiền phải trả để thuê văn phòng của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội với khoản tiền thuê trung bình hàng tháng là 19.955 USD. Theo thỏa thuận thì các hợp đồng thuê này có thời hạn từ 4 đến 5 năm. Khoản tiền thuê phải trả cố định trong suốt thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – CTCK

26. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Các hoạt động của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

(a) Thuế

Theo luật thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán vào thời điểm cuối năm.

(b) Dự trữ bắt buộc

Công ty được yêu cầu trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần và quỹ dự phòng tài chính hàng năm. Số trích lập sẽ được xác định tại thời điểm cuối năm.

(c) Thưởng cho nhân viên

Công ty tạm trích trước thưởng cho nhân viên cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 dựa vào dữ liệu quá khứ và tình hình hoạt động của giai đoạn hiện tại. Thưởng cho nhân viên sẽ được xác định tại thời điểm cuối năm.

Ngày 12 tháng 8 năm 2013

Người lập:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

)

MINI
T
P